

Tuần 7,8,9

TIẾT 7;8;9 §20: CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác vào một số bài tập đơn giản.

2. Về năng lực:

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV: SGK, Máy chiếu, Thước thẳng, eke, compa

+ Nghiên cứu kĩ bài học, kết nối kiến thức ở cấp Tiểu học với bài dạy.

+ Sưu tầm những bài toán thực tế gắn liền với việc tính chu vi, diện tích mức độ đơn giản

+ Đổi mới phương pháp dạy học giúp HS hứng thú bài học, tạo những nhiệm vụ mang tính thực tế.

2 - HS :

+ Đồ dùng học tập cần thiết, SGK..

+ Ôn tập lại một số công thức về tính chu vi, diện tích đã học ở Tiểu học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
I. Hoạt động khởi động * Mục tiêu: + GV thiết kế tình huống thực tế gợi động cơ học tập và tạo hứng thú cho HS. + HS chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu + HS nhận thức được sự cần thiết của việc tính chu vi và diện tích các hình để giải quyết các vấn đề trong đời sống thực tế.	
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu: (GV có thể chiếu hình ảnh trên slide minh họa cho bài toán) “ Nhà em cần ốp gạch cho 1 bức tường hình chữ nhật ở ban công có chiều dài 5m, chiều rộng 3m. Loại gạch ốp tường được sử dụng là gạch hình vuông có độ dài 25cm. Bố em chưa biết phải mua bao nhiêu viên gạch để ốp bức tường đó (coi mạch vữa không đáng kể)? Em hãy tính giúp bố nhé! - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chú ý quan sát và lắng nghe, thảo luận tìm ra hướng giải bài toán	

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: 1 vài nhóm HS báo cáo, nêu hướng giải. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá và dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Trong nông nghiệp, xây dựng người ta có thể cần sử dụng kiến thức về chu vi, diện tích các hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, hình thang cân để tính toán vật liệu trong các công việc như căng lưới che nắng cho rau, làm hàng rào bao quanh khu vườn,... hay lát nền nhà, sơn tường, tạo khung thép,.. Bài này sẽ giúp em tìm hiểu cách vận dụng công thức tính chu vi, diện tích của một tứ giác đã học và ứng dụng vào thực tế. Để giúp bố em giải quyết bà toán trên, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài mới ngày hôm nay” => Bài mới	
II. Hình thành kiến thức mới	
1. Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang * Mục tiêu: + Giới thiệu công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang. + Áp dụng công thức vào bài tập mức độ đơn giản. + HS được vận dụng kiến thức vào bài tập thực tế và phát triển tư duy từ bài toán thực tế. + Tăng hứng thú, tạo cơ hội cho HS tham gia thử thách, phát triển tư duy. + HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. + HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần <i>Ví dụ, Luyện tập</i>	
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV cho HS nhắc lại hoặc giới thiệu công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang. + GV cho HS nhắc lại hoặc giới thiệu công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang như trong <i>Hộp kiến thức</i>. + GV cho HS tìm hiểu đề bài, giới thiệu cách tính <i>Ví dụ 1, Ví dụ 2</i>. + Từ các ví dụ, GV nhấn mạnh, vừa khắc sâu công thức vừa cung cấp cách trình bày cho HS. + GV tổ chức hoạt động cho HS thực hiện hoàn thành <i>Luyện tập 1</i>. Trước khi thực hiện hoạt động: 1. GV cần giải thích cho HS hiểu về tác dụng của khung thép trong việc làm đai của cột bê tông cốt thép. Từ việc tính chu	1. Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang - Hình vuông: + $C = 4a$ + $S = a^2$ - Hình chữ nhật: + $C = 2(a + b)$ + $S = ab$ - Hình thang: + $C = a + b + c + d$ + $S = \frac{1}{2} (a + b) \cdot h$ <i>Ví dụ 1: Giải:</i> Chu vi của biển quảng cáo hình chữ nhật là: $2 \cdot (5 + 10) = 2 \cdot 15 = 30 \text{ (m)}$ Vậy siêu thị cần chi số tiền mua đèn là:

vi của một khung thép, HS tính được số khung thép làm được 200 khung. • 2. GV có thể tổ chức hoạt động nhóm để HS cùng thi đua thực hiện nhiệm vụ. • 3. HS có thể làm theo hai cách để tính diện tích thửa ruộng. + GV tổ chức hoạt động học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thành “<u>Thử thách nhỏ</u>” - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS lắng nghe và trả lời theo yêu cầu của GV. + GV: quan sát và trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS: giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang.	$40\,000 \cdot 30 = 1\,200\,000$ (đồng) <u>Ví dụ 2: Giải:</u> Diện tích nền của căn phòng hình chữ nhật là: $8.6 = 48$ (m²) Diện tích của một viên gạch hình vuông cạnh 40cm là: $40^2 = 1\,600 \text{ (cm}^2\text{)} = 0,16 \text{ (m}^2\text{)}$ Số viên gạch bác Khôi cần dùng là: $48 : 0,16 = 300 \text{ (viên)}$ <u>Luyện tập 1:</u> 1. Giải: Chu vi của khung thép đó là: $2 \cdot (35 + 30) = 130 \text{ (cm)} = 1,3\text{m.}$ Vậy số khung thép làm được từ 260m dây thép là: $260 : 1,3 = 200 \text{ (khung)}$ 2. Giải: Chu vi mặt bàn là: $600 + 1200 + 600 \cdot 2 = 3000 \text{ (mm)} = 3\text{m.}$ Chiều dài 4 chân bàn là: $730 \cdot 4 = 2920 \text{ (mm)} = 2,92 \text{ m.}$ Vậy để làm một chiếc khung bàn cần lượng thép: $3 + 2,92 = 5,92 \text{ (m)}$ 3. Giải: Diện tích thửa ruộng hình thang là: $\frac{1}{2} (30 + 50) \cdot 10 = 400 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là: $50 \cdot 15 = 750 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích thửa ruộng đó là: $400 + 750 = 1150 \text{ (m}^2\text{)}$ Vậy số thóc thu hoạch được là: $1150 \cdot 0,8 = 920 \text{ (kg)}$ <u>Thử thách nhỏ:</u> Độ dài phần hình thang cân là: $(15 + 25 + 7,2) = 54 \text{ (cm)}$ Phần còn lại làm móc treo có độ dài là: $60 - 54 = 6 \text{ (cm)}$
2. Chu vi, diện tích của hình bình hành, hình thoi * Mục tiêu: + Giới thiệu công thức tính chu vi của hình bình hành, hình thoi + HS xây dựng được công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.	

- + Áp dụng công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành, hình thoi vào bài toán thực tế.
- + HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu
- + HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành, Vận dụng*.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- + GV cho HS nhắc lại hoặc giới thiệu công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành, hình thoi như trong *Hộp kiến thức*.
- + GV cho HS tìm hiểu đề bài, hướng dẫn HS cách tính *Ví dụ 3*.
- + GV tổ chức cho HS hoàn thành *Ví dụ 4*. Trước khi HS thực hiện, GV cần giải thích, giới thiệu về ô thoáng cửa để HS hiểu.
- + Từ các ví dụ, GV nhấn mạnh, vừa khắc sâu công thức vừa cung cấp cách trình bày cho HS.
- + GV tổ chức hoạt động *Tìm tòi – Khám phá* thông qua việc thực hiện lần lượt các hoạt động: **HD1**, **HD2** như trong SGK để HS xây dựng được công thức tính diện tích hình bình hành từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

- **HD1:** Vẽ hình bình hành trên giấy kẻ ô vuông rồi cắt, ghép thành hình chữ nhật.



- **HD2:** Từ HD1, hãy so sánh độ dài cạnh, chiều cao tương ứng của hình bình hành với chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. Từ đó, so sánh diện tích của hình bình hành với diện tích hình chữ nhật.

- + GV giới thiệu công thức tính diện tích hình bình hành như trong *Hộp kiến thức*.
- + GV cho HS tìm hiểu đề bài *Ví dụ 5*, hướng dẫn HS giải và trình bày cách giải.
- + GV tổ chức hoạt động cho HS thực hiện hoàn thành *Luyện tập 2*. GV giao cho cá nhân hoặc nhóm, cho HS tìm hiểu kĩ đề bài, đề xuất phương án tính toán.
- + GV tổ chức hai hoạt động: **HD3**, **HD4** để HS xây dựng được công thức tính diện tích hình thoi từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

2. Chu vi, diện tích của hình bình hành, hình thoi

- Chu vi:

- + Hình bình hành: $C = 2(a+b)$
- + Hình thoi: $C = 4m$ (m là độ dài một cạnh của hình thoi).

***Ví dụ 3:* Giải:**

Chu vi của hình bình hành là: $2.(3 + 5) = 2.8 = 16$ (cm)

***Ví dụ 4:* Giải:**

Chu vi hình chữ nhật là:

$$2.(60+160) = 440 \text{ (cm)}$$

Chu vi một hình thoi là:

$$4.50 = 200 \text{ (cm)}$$

Độ dài thép để làm một ô thoáng là:

$$440+2.200 = 840 \text{ (cm)} = 8,4 \text{ (m)}$$

Độ dài thép để làm bốn ô thoáng là:

$$4 . 8,4 = 33,6 \text{ (m)}$$

- Diện tích hình bình hành:

- + HD1: HS thực hiện vẽ, cắt, ghép.
 - + HD2: Độ dài cạnh, chiều cao tương ứng của hình bình hành bằng với chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật.
- => Diện tích hình bình hành bằng diện tích hình chữ nhật.

$$S = a.h$$

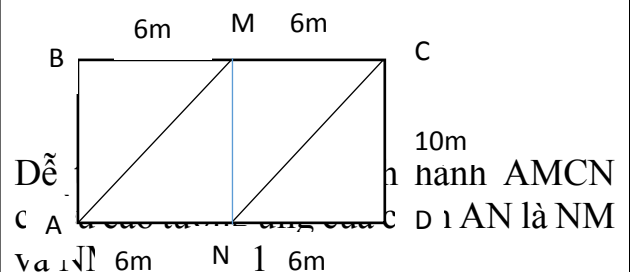
(a là cạnh, h là chiều cao tương ứng)

***Ví dụ 5:* Giải:**

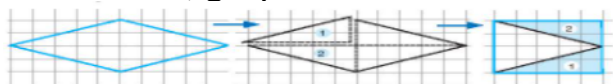
Mảnh gỗ là hình bình hành có chiều cao 20cm và độ dài cạnh tương ứng 30cm nên có diện tích là:

$$S = 20.30 = 600 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Luyện tập 2:



- **HĐ3:** Vẽ hình thoi trên giấy kẻ ô vuông và cắt, ghép thành hình chữ nhật.



(GV cho cá nhân HS thực hiện hoạt động cắt ghép hoặc hoạt động theo nhóm)

- **HĐ4:** Từ HĐ3, hãy so sánh các đường chéo của hình thoi với chiều rộng và chiều dài của hình chữ nhật. Từ đó so sánh diện tích hình thoi ban đầu với diện tích hình chữ nhật.

+ GV giới thiệu công thức tính diện tích hình thoi như trong *Hộp kiến thức*.

+ GV lưu ý thêm cho HS công thức tính diện tích hình thoi theo công thức tính diện tích hình bình hành.

+GV cho HS áp dụng công thức tính diện tích hình thoi hoàn thành *Ví dụ 6*.

+ GV tổ chức hoạt động cá nhân hoặc nhóm, cho HS tìm hiểu và đề xuất cách giải **Luyện tập 3**

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV.

+ GV: quan sát và trợ giúp HS.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay lên bảng trình bày.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành và hình thoi.

Do đó diện tích hình bình hành AMCN là: $6.10 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích hình chữ nhật ABCD là: $10.12 = 1200 \text{ (m}^2\text{)}$

Phần diện tích còn lại trồng cỏ là: $1200 - 600 = 600 \text{ (m}^2\text{)}$

Vậy số tiền công cần để chi trả trồng hoa và cỏ là:

$$50\ 000.600 + 40\ 000.600 = 54\ 000\ 000 \text{ (đồng)}$$

- Diện tích hình thoi:

+ HĐ3: HS thực hiện vẽ, cắt, ghép.

+ HĐ4: Một đường chéo bằng với chiều rộng của hình chữ nhật, đường chéo còn lại bằng một nửa chiều dài hình chữ nhật => Diện tích hình thoi bằng một nửa diện tích hình chữ nhật.

$$S = \frac{1}{2} a.b$$

(a, b là độ dài hai đường chéo)

Ví dụ 6: **Giải:**

Diện tích hình thoi ABCD là:

$$S = \frac{1}{2} AC . BD = \frac{1}{2} . 8 . 6 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Luyện tập 3:

Để thấy độ dài hai đường chéo hình thoi là chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật

Diện tích hình thoi là:

$$\frac{1}{2} . 8 . 5 = 20 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Vậy cần số lượng hoa để trồng trên mảnh đất là:

$$20 . 4 = 80 \text{ (cây)}$$

III. Hoạt động 4: Luyện tập

Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 4.16 ; 4.17 ; 4.21

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở.

Bài 4.16 : Giải :

Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

$$2.(AB + BC) = 2.(4 + 6) = 2.10 = 20 \text{ (cm)}$$

Diện tích của hình chữ nhật ABCD là:

$$AB.BC = 4.6 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài 4.17: Giải:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau - Bước 4: Kết luận, nhận định:- <i>GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</i>	Chu vi hình thoi MNPQ là: $4.MN = 4.6 = 24 \text{ (cm)}$ Bài 4.21: Giải Chiều dài của đoạn AD là: $150 : 10 = 15 \text{ (m)}$ Diện tích mảnh đất là: $12.AD.(AB + DC) = 12.15.(10 + 25) = 262,5 \text{ (m}^2\text{)}$
IV. Hoạt động vận dụng Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức HS vận dụng các công thức để giải, tính toán các bài toán thực tế.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - <i>GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 4.18 ; 4.19 ; 4.20 ; 4.22</i> - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vở và trình bày bảng</i> - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau - Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Bài 4.18 : Giải : Chu vi của khu vườn hình chữ nhật là: $2.(10 + 15) = 50 \text{ (m)}$ Chiều dài của cổng vào là: $15 \cdot \frac{1}{3} = 5 \text{ (m)}$ Vậy chiều dài của hàng rào là: $50 - 5 = 45 \text{ (m)}$ Bài 4.19: Giải :  a) Diện tích mảnh ruộng là: $\frac{(15 + 25) \cdot 10}{2} = 200 \text{ (m}^2\text{)}$ b) Sản lượng của mảnh ruộng là: $200 \cdot 0,8 = 160 \text{ (kg)}$ Bài 4.20: Giải :  Mặt sàn ngôi nhà đó là hình chữ nhật được tạo bởi 4 hình chữ nhật nhỏ. Chiều dài của mặt sàn ngôi nhà là: $8 + 6 = 14 \text{ (m)}$

	Chiều rộng của mặt sàn ngôi nhà là: $6 + 2 = 8 \text{ (m)}$ Vậy diện tích mặt sàn là: $14 \cdot 8 = 112 \text{ (m}^2\text{)}$ Bài 4.22: Đổi $30 \text{ cm} = 0,3 \text{ m}$ Diện tích một viên gạch men là: $0,3^2 = 0,09 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích căn phòng là: $3 \cdot 9 = 27 \text{ (m}^2\text{)}$ Vậy số viên gạch cần dùng là: $27 : 0,09 = 300 \text{ (viên)}$ Giải :
--	--

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thành nốt các bài tập.
- Học thuộc tất cả công thức tính chu vi và diện tích các hình.
- Xem trước các bài tập *Ví dụ* Bài : **Luyện tập chung** và chuẩn bị trước các bài tập: **4.24; 4.25 ; 4.26.**

*** RÚT KINH NGHIỆM**

Tuần 11

TIẾT 11 LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học
- nắm vững công thức tính chu vi và diện tích các tứ giác đã học

2. Về năng lực:

- NL tin học: Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.
- NL giải quyết vấn đề: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi diện tích của hình chữ nhật, hình thoi hình bình hành, hình thang.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV: SGK, Máy chiếu, Thước thẳng, eke, compa

2 - HS: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, làm đầy đủ BTVN mà GV đã giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
I. Hoạt động khởi động * Mục tiêu: + GV tổ chức hoạt động nhằm tái hiện công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.	

+ HS nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi của GV. + HS trình bày được nội dung kiến thức đã học.	
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ: • <i>Nêu công thức tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông, hình bình hành, hình thoi.</i> • <i>Nêu công thức tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành, hình thoi.</i> + GV giao một bài toán (chiếu slide): “Cô có một tấm bìa hình chữ nhật chiều rộng 10cm, chiều dài 15 cm. Cô cắt đi mỗi góc của tấm bìa một hình vuông cạnh 2cm. Tính chu vi hình còn lại của tấm bìa.” - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đối với mỗi câu hỏi, 1HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung. + Đối với bài tập, GV cho HS 2p làm nháp, 1 HS lên bảng trình bày bảng, hoặc trình bày miệng tại chỗ. + GV: quan sát, kiểm tra, bao quát HS. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập.	
II. Hình thành kiến thức mới	
1. Ví dụ 1 * Mục tiêu: HS vận dụng được các công thức đã học để giải một số bài tập. Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập. - HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm ví dụ 1	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc đề bài trong sgk-95 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV. + GV: quan sát và trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay lên bảng trình bày. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.	1. Ví dụ 1- sgk/95 Diện tích cả bãi cỏ và khu đất làm nhà là: $\frac{1}{2} (30 + 42). 24 = 864 (m^2)$ Diện tích khu đất làm nhà là: $15 . 18 = 270 (m^2)$ Diện tích cả bãi cỏ là: $864 - 270 = 594 (m^2)$ Để gieo hết bãi cỏ thì cần số túi hạt giống là: $594 : 33 = 18 (\text{túi})$

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại .	
2. Ví dụ 2 * Mục tiêu: HS vận dụng được các công thức đã học để giải một số bài tập. Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập. - HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm ví dụ 2	
. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc đề bài trong sgk-95 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV. + GV: quan sát và trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay lên bảng trình bày. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại .	2. Ví dụ 2 - sgk/95 Chiều rộng của nền nhà là: $\frac{1}{4} \cdot 20 = 5 \text{ (m)}$ Diện tích nền nhà hình chữ nhật là: $20 \cdot 5 = 100 \text{ (m}^2 \text{)}$ Đổi 4 dm = 0,4 m Diện tích một viên gạch lát nền là: $0,4 \cdot 0,4 = 0,16 \text{ (m}^2 \text{)}$ Số viên gạch dùng để lát nền nhà là: $100 : 0,16 = 625 \text{ (viên)}$ Giá mỗi viên gạch lát nền là: $11\,875\,000 : 625 = 19\,000 \text{ (đồng)}$
III. Hoạt động 4: Luyện tập Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập. HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS chữa các bài tập : Bài 4.24 ; 4.25 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau - Bước 4: Kết luận, nhận định:- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Bài 4.24 : a) Diện tích hình thoi MPNQ là: $8 \cdot 6 = 48 \text{ (m}^2\text{)}$ b) Chu vi hình thoi MPNQ là: $4 \cdot 5 = 20 \text{ (m)}$ Bài 4.25: Chiều dài cạnh còn lại của mảnh giấy hình chữ nhật là: $96 : 12 = 8 \text{ (cm)}$ Chu vi của mảnh giấy là: $2 \cdot (8 + 12) = 40 \text{ (cm)}$
IV. Hoạt động vận dụng	

Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để khắc sâu kiến thức.
HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV yêu cầu HS chữa các bài tập vận dụng : Bài 4.26 ; 4.27(SGK-tr96).

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau

- Bước 4: Kết luận, nhận định

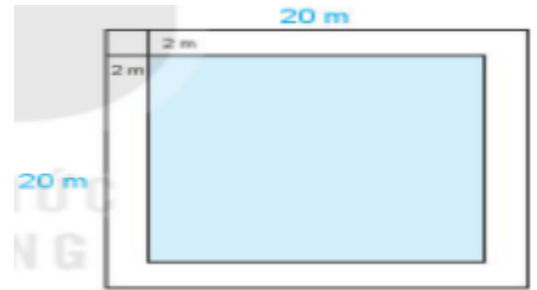
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Bài 4.26 :

Phần còn lại để trồng trọt là hình vuông có cạnh:

$$20 - 2 - 2 = 16 \text{ (m)}$$

Diện tích trồng trọt của mảnh



vườn là:

$$16.16 = 256 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài 4.27:

Chiều rộng của mảnh vườn là:

$$25 \div 3 =$$

$$15 \text{ (m)}$$

Nhìn vào hình vẽ ta thấy diện tích đất trồng cây là 4 mảnh

đất hình chữ nhật nhỏ có kích thước như nhau.

Chiều dài của các mảnh đất đó là:

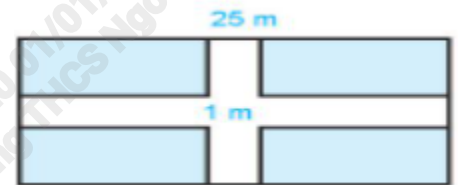
$$(25 - 1) : 2 = 12 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của các mảnh đất đó là:

$$(15 - 1) : 2 = 7 \text{ (m)}$$

Vậy diện tích đất để trồng cây là:

$$4.7.12 = 336 \text{ (m}^2\text{)}$$



* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

1. Nhiệm vụ cá nhân

- Học thuộc kĩ lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình.

- Xem trước các bài tập Ôn tập chương IV.

- Làm trước các bài tập 4.30; 4.31; 4.32; 4.33; 4.35.

2. Nhiệm vụ theo tổ

- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ Bài 18 -> Bài 20 (GV hướng dẫn 4 nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.

* RÚT KINH NGHIỆM

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết được các yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình lục giác đều, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

2. Về năng lực:

- NL tư duy Vận dụng thành thạo công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác. Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

- NL thẩm mĩ: Vẽ thành thạo các hình đã học bằng dụng cụ học tập.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Bồi dưỡng khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề.

Trách nhiệm: Ý thức nỗ lực, tính tự giác, chủ động trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV: SGK, giáo án tài liệu, Máy chiếu - Thước thẳng, eke, compa

2 - HS : SGK; đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 10:20 01/10/2025
bởi Võ Thị Mỹ Nhân (thes_ngomay_nhan) – Trường THCS Ngô Mây

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
I. Hoạt động khởi động * Mục tiêu: Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 18->Bài 20. Sơ đồ tư duy tổng hợp đầy đủ nội dung kiến thức từ Bài 18 -> Bài 20 một cách đầy đủ, ngắn gọn, trực quan. - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV chỉ định đại diện nhóm trình bày (Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -> Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý) - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác. - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.	
	MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN
	II. Hình thành kiến thức mới
1. Ôn tập chương * Mục tiêu: Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập. HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS trao đổi, trình bày tại chỗ các bài tập Bài 4.28; Bài 4.29 - GV yêu cầu HS chữa các bài tập 4.30; 4.31; 4.32; 4.33; 4.35 (GV có thể đến từng bàn quan sát và giúp đỡ HS). HS nào xong rồi sẽ xem trước và làm các bài tập 4.34 ; 4.36 – chuẩn bị cho phần vận dụng) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.	Bài 4.28 Có 5 hình vuông và 4 hình chữ nhật Bài 4.29 : Có 5 hình tam giác đều, 3 hình thang cân và 3 hình thoi Bài 4.30: a) Vẽ tam giác đều ABC cạnh 5cm: + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm.

- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- + Bước 2: Dùng ê ke có góc 60° .
- + Bước 3: Vẽ $\widehat{ABx} = 60^\circ$.
Ta thấy Ax và By cắt nhau tại C
 $\Rightarrow$ Ta được **tam giác đều ABC**.
(HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)
- b) *Vẽ hình vuông ABCD cạnh 6cm:*
 - + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 6\text{cm}$.
 - + Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho $AD = 6\text{cm}$.
 - + Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho $BC = 6\text{cm}$.
 - + Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.
 $\Rightarrow$ Ta được **hình vuông ABCD**.
(HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)
- c) *Vẽ hình chữ nhật ABCD có một cạnh bằng 4cm, một cạnh bằng 3cm.*
 - + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{cm}$.
 - + Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Trên đường thẳng đó, lấy điểm D sao cho $AD = 3\text{cm}$.
 - + Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Trên đường thẳng đó lấy điểm C sao cho $BC = 3\text{cm}$.
 - + Bước 4: Nối D với C .
 $\Rightarrow$ Ta được **hình chữ nhật ABCD**.
(HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)
- Bài 4.31:**
 - a) *Vẽ hình bình hành ABCD có $AB = 4\text{cm}$; $BC = 3\text{cm}$*
 - + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{cm}$.
 - + Bước 2: Vẽ đoạn thẳng đi qua B. Trên đường thẳng đó, lấy điểm C : $BC = 3\text{cm}$.
 - + Bước 3: Vẽ đường thẳng đi qua A và song song với BC, đường thẳng qua C và song song với AB. Hai đường thẳng này cắt nhau tại D
 $\Rightarrow$ Ta được **hình bình hành ABCD**.
(HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)
 - b) *Vẽ hình thoi cạnh 3cm:*

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.
 + Bước 2: Vẽ đường thẳng đi qua B. Lấy điểm C trên đường thẳng đó sao cho $BC = 3\text{cm}$.
 + Bước 3: Vẽ đường thẳng đi qua C và song song với cạnh AB. Vẽ đường thẳng đi qua A và song song với cạnh BC.
 + Bước 4: Hai đường thẳng này cắt nhau tại D
 $\Rightarrow$ Ta được **hình thoi ABCD**.
 (HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)

Bài 4.32:

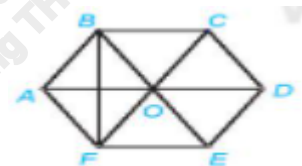
Chu vi hình chữ nhật là:

$$2.(6 + 5) = 22 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$6.5 = 30 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài 4.33:



a) Diện tích hình thoi ABOF là:

$$\frac{1}{2} \cdot 6 \cdot 10,4 = 31,2 \text{ (cm}^2\text{)}$$

b) Ta thấy diện tích hình lục giác đều ABCDEF gấp ba lần diện tích hình thoi ABOF.

Vậy diện tích hình lục giác đều là:

$$31,2 \cdot 3 = 93,6 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài 4.35 (HS thực hành trao đổi vẽ, cắt, ghép theo yêu cầu của đề)

III. Hoạt động vận dụng

Mục tiêu: Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

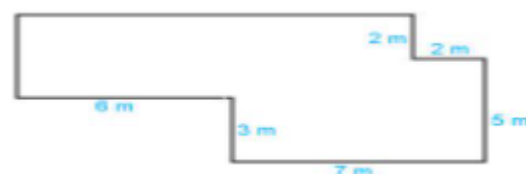
- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 4.34 ; 4.36**

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

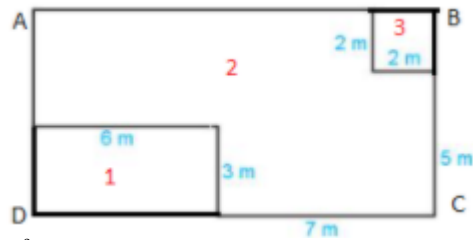
Bài 4.34 :



+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.
+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau

- Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.



Ta thấy tổng diện tích của hình 1, hình 2, hình 3 bằng tổng diện tích của hình chữ nhật ABCD.

Chiều dài DC của hình chữ nhật ABCD là:

$$7 + 6 = 13 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của hình chữ nhật ABCD là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (m)}$$

Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$$13 \cdot 7 = 91 \text{ (m}^2\text{)}$$

Hình 1 là hình chữ nhật có chiều dài 6 m và chiều rộng 3 m nên diện tích hình 1 là:

$$6 \cdot 3 = 18 \text{ (m}^2\text{)}$$

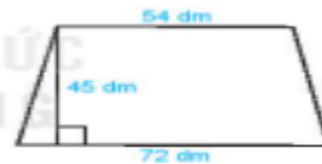
Hình 3 là hình vuông có cạnh bằng 2 m nên diện tích hình 3 là:

$$2 \cdot 2 = 4 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy diện tích mảnh vườn bằng cần tìm bằng diện tích hình 2 và bằng:

$$91 - 18 - 4 = 69 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài 4.36 :



Diện tích của mái hiên là:

$$\frac{45 \cdot (54 + 72)}{2} = 2835 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Vậy chi phí của cả hiên là:

$$(2835 : 9) \times 103\,000 = 32\,445\,000 \text{ (đồng)}$$

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.
- Tiết sau tiến hành ôn tập giữa kì

*** RÚT KINH NGHIỆM**

Duyệt BGH

GVBM